

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2017/DS-ST

Ngày 20 - 7 - 2017.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhạn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Tấn Hoàn**.

2. Bà **Phạm Thị Kim Loan**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà **Phùng Thị Bông** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 22/2016/TL.ST - DS ngày 24 tháng 5 năm 2016 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX- ST ngày 05/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1964; nơi cư trú: đường N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. “*Có mặt*”.

2. *Đồng bị đơn:* Bà **Phan Thị L**, sinh năm: 1961; Anh **Võ Trọng T**, sinh năm 1989; Điều cư trú: đường P, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. “*Vắng mặt*”.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Võ Đình H**, sinh năm 1959; nơi cư trú: đường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30.4.2016; văn bản trình bày ngày 24.5.2016; biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2017 và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị L trình bày: Vào ngày 20 tháng 12 năm 2013 âm lịch bà đã cho bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T vay 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) nợ gốc, thời hạn vay 06 tháng nhưng đến hạn trả tiền mà bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T vẫn chưa trả số tiền vay trên. Ngày 30 tháng 5 năm 2014 bà có đến nhà của vợ chồng bà Phan Thị L nhưng không có bà Phan Thị L ở nhà và ông Võ Đình H là chồng của bà Phan Thị L đã bán tài sản chung của vợ chồng trả cho bà số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) để trừ vào số tiền mà bà Phan Thị L và anh T nợ bà ($380.000.000 \text{ đồng} - 12.500.000 \text{ đồng} = 367.500.000 \text{ đồng}$). Như vậy hiện nay bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T còn nợ bà số tiền là 367.500.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) và bà yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T phải trả số tiền trên cho bà.

Đồng bị đơn bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện việc thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng.

Theo biên bản xác minh ngày 20/8/2016 và tại biên bản lấy lời khai ngày 08/2/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Đình H trình bày: Ông là chồng của bà Phan Thị L và là cha của Võ Trọng T, sau khi vợ con ông bỏ đi thì ông biết được vợ con ông có vay tiền của bà Đoàn Thị L. Ông đồng ý cho bà Đoàn Thị L lấy tài sản của gia đình ông để trừ vào khoản tiền mà vợ và con ông thiếu của bà Đoàn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; nguyên đơn bà Đoàn Thị L đã chấp hành pháp luật tố tụng một cách nghiêm túc, đúng pháp luật. Bị đơn bà Phan Thị L, anh Võ Trọng T cùng với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Chứng tỏ, bà Phan Thị L, anh Võ Trọng T và ông Võ Đình H chấp hành không nghiêm, xem thường pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, lời khai nhận của đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được cho thấy việc khởi kiện của bà Đoàn Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn về số tiền 367.500.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Đoàn Thị L có cho bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T vay tiền là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) và có lập văn bản là “Giấy mượn tiền” thể hiện số tiền vay và thời hạn thanh toán. Theo thỏa thuận thì thời hạn thanh toán tiền là 06 tháng kể từ ngày viết giấy (ngày 20 tháng 12 năm 2013 âm lịch) khi đến hạn mà bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T không trả nên bà Đoàn Thị L khởi kiện đòi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về sự vắng mặt của đồng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Bà Đoàn Thị L có cho bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T vay số tiền 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*), việc cho vay có lập thành văn là “Giấy mượn tiền” được lập ngày 20 tháng 12 năm 2013 âm lịch nhằm xác nhận khoản vay và thời hạn thanh toán khoản vay. Theo thỏa thuận thì bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T phải trả khoản vay trên sau 06 tháng kể từ ngày viết giấy nhưng bà Phan Thị L và anh T không trả. Ngày 30 tháng 5 năm 2014 ông Võ Đình H đã giao cho bà Đoàn Thị L một số tài sản chung của vợ chồng ông, hai bên thống nhất giá trị tài sản là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) nhằm để khấu trừ vào số tiền mà vợ con ông đang thiếu bà Đoàn Thị L. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình H thừa nhận vợ và con ông là bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T có vay tiền của bà Đoàn Thị L và ông cũng thống nhất trừ giá trị tài sản của vợ chồng ông vào khoản vay mà vợ con ông đã vay để giảm số tiền vay. Như vậy, hiện nay nguyên đơn bà Đoàn Thị L yêu cầu bà Phan Thị L và anh T trả số tiền còn lại là 380.000.000 đồng – 12.500.000 đồng = 367.500.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) là có căn cứ

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Đoàn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011512 ngày 24/5/2016

của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm. thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí của Tòa án thì bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 18.375.000 đồng (*mười tám triệu ba trăm bảy lăm nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm. thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L. Buộc bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T trả cho bà Đoàn Thị L số tiền nợ là 367.500.000 đồng (*Ba trăm sáu bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị L và anh Võ Trọng T phải nộp 18.375.000 đồng (*mười tám triệu ba trăm bảy lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.500.000 đồng (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011512 ngày 24/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*20/7/2017*). Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án giao nhận và tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND thành phố H
- Các đương sự
- Thi hành án.
- L- u hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn